

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN

Bồ Tát Mã Minh

Chân Đế dịch ra Hán Văn - Cao Hữu Đỉnh dịch ra Việt văn

Chương 7 Tu Hành Tín Tâm

Đã nói xong phần giải thích, giờ đây nói phần tu hành tín tâm. Trong phần này, vì nương vào chúng sanh chưa vào nhóm Chánh Định, cho nên nói tu hành tín tâm.

Những tín tâm gì? Tu hành thế nào?

Nói ước lược thì Tín tâm có bốn món. Bốn món ấy là gì?

Một là lòng tin căn bản, tức thích niệm cái Chân Như.

Hai là tin Phật có vô lượng công đức, luôn luôn nhớ nghĩ, gần gũi, cúng dường cung kính, phát khởi căn lành, cầu mong được Nhất Thiết Trí.

Ba là tin Pháp có những lợi ích lớn, luôn luôn nhớ nghĩ tu theo các hạnh Ba la mật.

Bốn là tin Tăng tu hành chơn chánh, lợi mình lợi người, thường ưa gần gũi chúng Bồ Tát mà cầu học các hạnh tu như thật.

Tu hành có năm món thành tựu được bốn Tín Tâm ấy. Năm món là gì?

Một là môn Bồ Thí.

Hai là môn Trì Giới.

Ba là môn Nhẫn Nhục.

Bốn là môn Tinh Tấn.

Năm là môn Chỉ Quán.

Thế nào là tu hành môn Bồ Thí?

Nếu thấy bất cứ ai đến cầu xin, mình có tài vật gì thì tùy sức mà cho họ, để trừ bỏ lòng keo lẩn của mình mà lại khiến được kẻ kia hoan hỷ.

Nếu thấy người đang lo sợ vì bị ách nạn bức bách, thì tùy sức mình có thể cáng đáng mà ban vô úy cho họ.

Nếu có chúng sanh đến cầu học chánh pháp thì tùy theo chỗ hiểu biết của mình mà phương tiện nói cho họ nghe, không nên tham cầu danh lợi cung kính, chỉ nghĩ đến việc lợi mình lợi người, và hồi hướng công đức về quả giác ngộ.

Thế nào là tu hành môn Trì Giới?

Ấy là không giết hại, không trộm cắp, không dâm dật, không hai lưỡi, không ác miệng, không nói dối, không thù dật, xa lìa: tham lam ganh ghét, lường đảo gian dối, đua nịnh quanh co, giận dữ và tà kiến. Nếu là người xuất gia thì phải chiết phục phiền não, còn cần xa lìa những nơi huyên náo, thường ở những nơi thanh vắng yên lặng mà tu tập lối sống thiểu dục tri túc và các hạnh đầu đà. Cho đến một lỗi nhỏ xíu, lòng cũng phải lo sợ, xấu hổ ăn năn, không được khinh thường giới cấm của Phật đã chế, phải giữ gìn đừng để bị tị hiềm chê trách, đừng để chúng sanh vọng khởi tội lỗi.

Thế nào là tu hành môn Nhẫn Nhục?

Ấy là nhẫn chịu các khổ đau mà người khác gây ra cho mình, không ôm lòng thù hận.

Lại cũng nhẫn chịu trước tám điều là: Được tiền, mất của, bị chưởi mắng, được tăng bốc, được khen, bị chê, sung sướng và khổ sở.

Thế nào là tu hành môn Tinh Tấn?

Ấy là đối với các việc lành, lòng không do dự lùi bước, ý chí kiên cường, xa lìa khiếp nhược. Phải nhớ nghĩ rằng, từ quá khứ lâu xa đến giờ, mình đã luống chịu quá nhiều đau

khổ, hết thân tâm này qua thân tâm khác, mà chẳng ích gì. Cho nên giờ đây phải siêng tu các công đức lợi mình lợi người, để chóng thoát khổ.

Lại nữa, nếu có ai tuy nay tu hành tín tâm, nhưng vì đời trước từng gây ra quá nhiều tội ác nghiệp chướng cho nên đời này bị tà ma ác quỷ nhiễu hại, hoặc bị công kia việc nọ của thế gian lôi cuốn buộc ràng, hoặc bị ốm đau bệnh tật bức não, hoặc bị vô số chướng ngại khác khiến phải chịu khổ đau tương tự như thế.

Vì vậy cho nên cần phải đồng mãnh siêng năng, ngày đêm sáu thời, lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh Chư Phật thuyết pháp, tùy hỷ công đức và hồi hướng công đức về nơi quả Giác, thường xuyên như vậy, không ngưng không bỏ, thời nghiệp chướng mới tiêu trừ và căn lành mới tăng trưởng.

Thế nào là tu hành môn Chỉ Quán ?

Chỉ nghĩa là ngưng nghỉ tất cả các tướng Cảnh giới, vì tùy thuận nghĩa quán Xa-ma-tha.

Quán nghĩa là phân biệt tướng Nhân Duyên sanh diệt, vì tùy thuận nghĩa quán Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là tùy thuận?

Ấy là dựa vào cả hai nghĩa mà dần dần tu tập, không rời bỏ nhau, cho nên cả hai cùng có mặt.

Nếu là tu Chỉ thì phải ở nơi thanh vắng, ngồi thẳng lưng, suy tư đứng đắn. Không nương hơi thở. Không nương hình sắc. Không nương hư không. Không nương đất nước lửa gió. Cho đến không nương thấy nghe hay biết. Tất cả các suy tư đều phải bị chánh niệm quét sạch. Ngay cả cái ý tưởng quét sạch cũng bị quét luôn. Vì tất cả các pháp, bản lai không có tướng, niệm niệm chẳng sanh, niệm niệm chẳng diệt. Cũng lại không được niệm cảnh giới ở ngoài tâm, rồi sau mới lấy Tâm trừ Tâm. Nếu Tâm rong ruổi lăng xăng thì phải lập tức thu về, an trú trong chánh niệm. Nói chánh niệm thì phải biết là chỉ có tâm, không có cảnh giới bên ngoài. Ngay Tâm ấy cũng lại không có tướng riêng, không thể đắc cái Tâm ấy trong từng niệm một.

Sau khi ngồi dậy, nếu có làm gì cần phải đi lại tới lui, thì bất cứ lúc nào cũng phải thường niệm phượng tiện mà tùy thuận quán sát, tập như vậy lâu ngày đến mức thuần thực, thì tâm mình được an trú. Vì tâm được an trú cho nên dần dần trở nên mạnh mẽ sắc bén, mà tùy thuận vào được Chân Như Tam Muội, dẹp sâu phiền não, tăng trưởng tín tâm và mau thành bất thối. Chỉ trừ những kẻ vì nghiệp chướng mà phạm tội nặng như nghi hoặc, không tin, phỉ báng, hoặc ngã mạn và giải đãi, thì không thể vào được.

Lại nữa, nương vào tam muội ấy thời biết được tướng nhất của pháp giới. Nghĩa là biết pháp thân của tất cả Chư Phật cùng với sanh thân của chúng sanh là bình đẳng không hai. Đó gọi là Nhất Hạnh Tam Muội. Nên biết rằng Chân Như là gốc của tam muội. Ai tu hành thuận theo Chân Như thì dần dần phát sanh vô lượng tam muội.

Nếu chúng sanh nào không đủ căn lành, thì bị ác ma, ngoại đạo quỷ thần mê hoặc não loạn. Đang ngồi, bị chúng hiện hình khủng bố. Hoặc hiện hình trai xinh, gái đẹp. Phải niệm các cảnh giới ấy đều là duy tâm, thì chúng sẽ tự tiêu diệt, không bao giờ khuấy phá nổi. Có khi chúng hiện hình chư thiên, chư Bồ Tát, ngay cả hình Phật nữa, với tướng tốt và vẻ đẹp đầy đủ. Có khi chúng nói Đà-la-ni. Có khi chúng nói Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ. Có khi chúng nói Bình Đẳng, Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, Không Oán Không Thân, Không Nhân Không Quả, Không Tịch Rốt Ráo, cho đó là Niết Bàn chân thật. Có khi chúng khiến người ta biết được những việc xảy ra trong các đời quá khứ và những việc sẽ xảy ra trong đời vị lai, có trí Tha Tâm Thông, có biện tài vô ngại, do đó làm cho chúng sanh càng thêm say đắm đường danh lợi thế gian. Lại có khi chúng khiến người ta chợt giận chợt mừng, tánh khí thất thường. Khi thì thương yêu da diết, khi thì ốm đau ngái ngủ li bì, tinh thần đã dượi. Hoặc vừa mới hăng hái xong thì liền bỏ dỡ công việc,

chẳng tin gì hết, đa nghi đa lự. Hoặc bỏ ngang hạnh tu tốt đang tu mà theo các hạnh tu xằng bậy. Hoặc bị những chuyện phức tạp của thế gian lôi cuốn buộc ràng. Chúng còn có thể khiến người ta có được các loại tam muội mang máng như tam muội chân thật, nhưng đây là tam muội của ngoại đạo sở đắc. Hoặc chúng cũng có thể khiến người ta an trú ở trong định, từ một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến bảy ngày, được ăn những thức ăn thơm tho tự nhiên, làm cho thân tâm vui sướng, không thấy đói, không thấy khát, khiến phải đắm say. Hoặc làm cho người ta ăn không chừng đỗi, khi nhiều khi ít, nhan sắc thay đổi thất thường. Bởi những việc ma quái như vậy, cho nên hành giả phải thường vận dụng trí tuệ mà quán sát, đừng để tâm mình rơi vào lưới tà. Phải siêng năng chánh niệm, không nắm bắt, cũng không để bị dính mắc, thời xa lìa được các nghiệp chướng ấy. Nên biết, tam muội của ngoại đạo tu tập đều không lìa Tâm kiến ái và Tâm ngã mạn, vì họ tham đắm danh lợi và sự cung kính thế gian.

Còn Chân Như Tam Muội thì không trú nơi tướng Kiến, không trú nơi tướng Đắc, cho nên khi ra Định, cũng không có giải đãi, không kiêu mạn, bao nhiêu phiền não có từ trước đều dần dần mỏng hết. Nếu các phạm phu không tu tập phép Tam Muội ấy mà được vào chủng tánh Như Lai thì đó là điều không thể có. Bởi lẽ, tu theo các phép Tam Muội của thế gian thì phần nhiều dấy khởi sa đắm hương vị trần tục, nương vào ngã kiến, bị trói buộc trong ba cõi, giống như ngoại đạo; Còn nếu rời khỏi sự hướng dẫn của thiện tri thức thời dấy khởi tà kiến cũng giống như ngoại đạo.

Lại nữa, ai siêng năng chuyên chú tu hành phép Tam Muội ấy, thì ngay trong đời này, được mười điều lợi ích. Mười điều lợi ích là gì?

Một là thường được Chư Phật Bồ Tát trong mười phương hộ niệm.

Hai là không bị ma quỷ hung dữ khủng bố.

Ba là không bị quỷ thần của chín mươi lăm ngoại đạo mê hoặc nhiễu loạn.

Bốn là xa lìa sự hủy báng giáo pháp thậm thâm, khiến tội lỗi nghiệp chướng nặng nề vơi dần thành cạn mỏng.

Năm là diệt hết mầm nghi đối với ác giác ác quán.

Sáu là đối với cảnh giới của Như lai, tăng trưởng được tín tâm.

Bảy là xa lìa lo lắng và hối hận, lòng dũng mãnh không khiếp sợ đối với cảnh sanh tử.

Tám là tâm trở nên nhu nhuyễn, xả bỏ kiêu mạn, không bị người khác gây khổ não.

Chín là dù chưa được định, nhưng bất cứ lúc nào, ở trong bất cứ cảnh giới nào, cũng giảm thiểu được phiền não, không chạy theo dục lạc thế gian.

Mười là nếu đắc tam muội rồi, không bị mọi thứ âm thanh của ngoại duyên làm kinh động.

Lại nữa, nếu chỉ tu Chỉ thời Tâm bị trảm một, hoặc sanh giải đãi, không thích làm các điều lành, xa lìa Tâm Đại Bi, cho nên phải tu Quán. Tập phép tu Quán là:

Phải quán tất cả pháp hữu vi trong thế gian đều không tồn tại dài lâu, biến đổi hư hoại trong nháy mắt. Mọi tạo tác của Tâm đều niệm niệm sanh diệt, bởi thế nên khổ.

Phải quán các pháp sở niệm trong quá khứ, thoáng qua như giấc mộng.

Phải quán các pháp sở niệm trong hiện tại như tia điện chớp.

Phải quán các pháp sở niệm trong vị lai như bức tranh chó bông hiện ra trong mây.

Phải quán tất cả các thân đương hiện hữu đều là bất tịnh, chứa đầy ô uế, không một thân nào đáng ưa thích.

Như vậy, nên nghĩ tất cả chúng sanh, từ vô thủy đến giờ, đều vì bị Vô Minh huân tập cho nên khiến tâm sanh diệt, từng chịu biết bao đau khổ ê chề, cả thân lẫn tâm. Hiện tại thì bị vô lượng khổ đau bức bách. Cái khổ của vị lai cũng không có giới hạn. Thật là khó bỏ khó dứt, mà chẳng biết chẳng hay. Chúng sanh như vậy đó, rất đáng thương xót!

Tư duy như vậy rồi thì phải liền dũng mãnh lập Đại Thệ Nguyện. Nguyện sao cho tâm ta xa lìa phân biệt, tỏa khắp mười phương mà tu hành tất cả các công đức lành, cho đến tận cùng đời vị lai, dùng vô số phương tiện, cứu vớt tất cả chúng sanh đau khổ, khiến cho họ được

hưởng cái vui tuyệt đối của Niết Bàn. Nhờ khởi được các nguyện như vậy, cho nên bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, hễ có các việc lành là tùy theo khả năng của mình mà gánh vác, không bỏ sự tu học, Tâm không trở nãi biếng nhác.

Chỉ trừ khi ngồi thì chuyên niệm tu Chỉ. Còn những khi khác thì phải quán sát cái chi nên làm và cái chi không nên làm. Dù đi, dù đứng, dù nằm, dù dậy, đều nên song tu cả Chỉ lẫn Quán. Nghĩa là: Tuy niệm các pháp, tự tánh không sanh, nhưng cũng tức là niệm nhân duyên hòa hợp, trong đó các nghiệp lành dữ, các báo khổ vui không mất không hư; Tuy niệm nhân duyên với nghiệp báo lành dữ, nhưng cũng tức là niệm tánh của chúng không thể đắc.

Nếu là tu Chỉ thì như khi đối trị Tâm tham đắm thế gian của phàm phu, khiến xả bỏ được kiến chấp khiếm nhược của Nhị Thừa.

Nếu là tu Quán thì như khi đối trị Tâm lượng hẹp hòi của Nhị Thừa, không phát Tâm Đại Bi, khiến xa lìa được lỗi lầm không chịu tu căn lành của phàm phu.

Chính bởi nghĩa ấy, cho nên môn tu Chỉ Quán này giúp nhau thành tựu, không rời bỏ nhau. Nếu Chỉ và Quán không đủ, thời không thể nào vào được đạo Bồ Đề.

Lại nữa, chúng sanh mới học pháp này, muốn cầu Chánh Tín, nhưng vì tâm mình còn quá khiếm nhược, sợ rằng ở cõi Ta Bà này, không được thường gặp Chư Phật để đích thân cúng dường, tín tâm e sợ khó thể thành tựu, ý muốn thoái lui, thì hãy nên biết rằng Như Lai có phương tiện tốt giúp họ thâm nhiếp tín tâm. Đó là dùng nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, theo nguyện mà được sanh về cõi Phật ở một phương khác, thường được thấy Phật, dứt khoát xa lìa đường dữ.

Như trong kinh nói, nếu ai chuyên niệm Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, đem các căn lành do mình tu được mà hồi hướng nguyện cầu sanh về thế giới ấy, thì liền được vãng sanh. Bởi lẽ thường được thấy Phật, cho nên không bao giờ còn bị thoái lui. Nếu ai quán Pháp Thân Chân Như của Đức Phật ấy và thường siêng năng tu tập, thì cuối cùng sẽ được sanh về, vì đã trú trong Chánh Định rồi.

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN

Bồ Tát Mã Minh

Chân Đế dịch ra Hán Văn - Cao Hữu Đỉnh dịch ra Việt văn

Chương 1

Tông Chỉ và Mục Đích

Quy mạng đấng Đại Bi
Đủ ba nghiệp tối thắng
Ý biết rõ cùng khắp
Thân vô ngại tự tại

Khẩu từ bi cứu đời
Và thể tướng thân ấy
Bể chân như pháp tánh
Kho công đức vô lượng
Cùng bậc như thật tu
Ở khắp cả mười phương
Vì muốn khiến chúng sanh
Trừ nghi bỏ tà chấp
Khởi chánh tín Đại Thừa
Hột giống Phật không dứt.

Chương 2

Tông Bản

Đề tài của luận này là: Có pháp có thể phát khởi lòng tin Đại Thừa, cho nên cần phải nói. Nội dung thuyết minh gồm có năm phần. Năm phần ấy là gì? Một là phần nhân duyên.

Hai là phần lập nghĩa.

Ba là phần giải thích.

Bốn là phần tu hành tín tâm.

Năm là phần lợi ích nên khuyến tu.

Chương 3

Nhân duyên Tạo Luận

Trước hết là nói về phần Nhân Duyên.

Hỏi: Vì những nhân duyên gì mà viết ra Luận này?

Đáp: Nhân duyên ấy có tám. Là những gì?

Một là nhân duyên chung, muốn làm cho chúng sanh xa lìa tất cả khổ, được cái vui rốt ráo; Không phải vì mong cầu danh lợi và sự cung kính của thế gian.

Hai là muốn giải thích cái nghĩa căn bản của Như Lai, khiến chúng sanh hiểu biết đúng đắn không sai lệch.

Ba là khiến chúng sanh mà thiện căn đã thành thực, lãnh hội được giáo pháp Đại Thừa, không thối thất tín tâm.

Bốn là khiến chúng sanh có thiện căn cạn mỏng, tu tập tín tâm.

Năm là nhằm chỉ bày phương tiện tiêu trừ nghiệp chướng xấu ác, khéo léo giữ gìn tâm mình, xa lìa si mạn, ra khỏi lưới tà ma.

Sáu là nhằm chỉ bày phương pháp tu tập chỉ quán để đối trị tâm niệm sai lầm của phàm phu và Nhị Thừa.

Bảy là nhằm chỉ bày phương tiện niệm Phật một cách chuyên nhất để được sanh về cõi Phật, chắc chắn không thối thất tín tâm.

Tám là nhằm chỉ bày sự lợi ích để khuyến khích tu hành.

Vì có những nhân duyên như trên nên tôi viết ra luận này.

Hỏi rằng: Trong Tu đa la đã có đủ pháp ấy rồi, cần gì ở đây phải nói lại?

Xin thưa: Trong Tu đa la tuy có pháp ấy, nhưng vì chúng sanh căn tánh và hạnh nghiệp không đồng, cho nên nhân duyên lãnh hội cũng khác nhau.

Nghĩa là: Khi Như Lai còn tại thế, chúng sanh căn tánh lanh lợi. Người nói thì tâm đều thù thắng, viên âm một khi đã phổ diễn, các loài chúng sanh đều hiểu rõ như nhau cho nên không cần có luận. Nhưng sau khi Như Lai nhập diệt hoặc có chúng sanh chỉ nhờ tự lực, nhân nghe nhiều mà hiểu rõ. Lại có những người cũng do tự lực, nhưng nghe ít mà hiểu nhiều. Hoặc có những người tự họ không có đủ trí lực, phải nhờ nương vào các bộ đại luận giảng giải ý nghĩa nội dung thì mới hiểu nổi. Nhưng cũng có người cho rằng Đại Luận dài dòng phiền phức, lòng chỉ ưa thích những bài văn cô đọng mà hàm súc, nhân đó mà nắm được chánh giải. Như vậy Luận này vì muốn tóm thâu ý nghĩa vô biên các pháp Phật sâu rộng, nên phải viết ra.

Chương 4 Lập Nghĩa

Đã nói xong phần nhân duyên, giờ đến phần Lập Nghĩa. Tổng quát mà nói, Đại Thừa có hai phần: Hai phần ấy là gì? Một là Pháp. Hai là Nghĩa.

Cái gọi là Pháp, đó là Tâm chúng sanh. Tâm ấy nhiếp thâu tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Chính nương nơi Tâm ấy mà chỉ rõ nghĩa của Đại Thừa.

Vì sao? Vì tướng chơn như của Tâm ấy biểu thị cái thể của Đại Thừa. Còn cái tướng nhân duyên sanh diệt của tâm ấy thì biểu thị được cái tự thể, tự tướng, và tự dụng của Đại Thừa. Cái gọi là nghĩa, bao gồm ba cái lớn. Một là cái lớn về mặt Thể, tức là cái Chân Như bình đẳng, bất tăng bất giảm của tất cả các Pháp. Hai là cái lớn về mặt Tướng, tức cái Như Lai Tạng có đầy đủ vô lượng tánh công đức. Ba là cái lớn về mặt Dụng, vì nó có công năng sinh ra tất cả nhân quả lành thế gian và xuất thế gian.

Tất cả chư Phật vốn chỉ coi một pháp này, tất cả chư Bồ Tát cũng đều coi một pháp này mà đi đến đất nước của Như Lai.

Giải Thích:

Giải thích có ba phần. Ba phần là gì?

Một là Hiện Thị Chánh Nghĩa.

Hai là Đối Trị Tà Chấp.

Ba là Phân Biệt Hành Tướng, Phát Tâm Tu Đạo.

B. Hiện Thị Chánh Nghĩa:

Hiện thị chánh nghĩa là nương nơi một pháp "Nhất Tâm" mà chia thành hai môn. Hai môn ấy là gì?

Một là môn Chân Như.

Hai là môn Sanh Diệt.

Cả hai môn ấy đều thâu tóm tất cả các Pháp. Nghĩa ấy là thế nào? Vì hai môn ấy không rời nhau vậy.

1. Tâm Chân Như:

Cái Chân Như của tâm tức là cái thể của pháp môn "Nhất Pháp Giới Đại Tổng Tướng". Đó là cái bất sanh bất diệt của tâm tánh. Tất cả các Pháp chỉ nương nơi vọng niệm mà có sai khác. Nếu lìa vọng niệm thì không có tướng của bất cứ cảnh giới nào. Cho nên tất cả các pháp, ngay trong bản chất, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên. Rốt ráo bình đẳng. Không có đối khác. Không thể phá hoại. Chỉ là cái Nhất Tâm, cho nên gọi là Chân Như.

Vì tất cả ngôn thuyết đều là giả danh không thật. Tướng ngôn thuyết chỉ do vọng niệm sanh ra, không thể nắm bắt cái thật. Nói là Chân Như, nó cũng chẳng có tướng. Chẳng qua là đến chỗ cùng cực của ngôn thuyết thì tạm dùng ngôn thuyết để khử bỏ ngôn thuyết. Còn cái thể của Chơn Như thì không thể khử bỏ được, vì tất cả các pháp thủy đều chân thật hết. Nó cũng không phải là cái do ta đặt để ra, vì tất cả các pháp thủy đều như vậy cả. Nên biết tất cả các pháp không thể nói, không thể nghĩ, cho nên gọi là Chân Như.

Hỏi: Nếu Chân Như là như vậy thì làm sao chúng sanh có thể tùy thuận mà đắc nhập Chân Như?

Đáp: Nếu biết tất cả các pháp, tuy nói (thuyết) nhưng không có cái năng thuyết có thể nói được. Tuy nghĩ (niệm) nhưng không có cái năng niệm có thể nghĩ được. Như vậy, thì gọi là tùy thuận Chân Như. Còn nếu như lìa được niệm thì gọi là đắc nhập Chân Như.

Lại nữa, Chân Như theo ngôn thuyết mà phân biệt thì có hai nghĩa: Một là Không như thật, vì nó rốt ráo phơi bày sự thật. Hai là Bất Không như thật, vì nó có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu.

a) Không:

Cái được gọi là Không là vì từ trong bản chất, không có nhiệm pháp nào tương ứng. Nghĩa là nó lìa tướng sai biệt của tất cả các pháp, vì nó không có tâm niệm hư vọng.

Nên biết tự tánh của Chơn Như, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, chẳng phải "chẳng phải tướng có", chẳng phải "chẳng phải tướng không", chẳng phải tướng có và không lẫn lộn, chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác, chẳng phải "chẳng phải tướng một", chẳng phải "chẳng phải tướng khác", chẳng phải tướng một và tướng khác lẫn lộn.

Tóm lại, chúng sanh vì có vọng tâm, niệm niệm phân biệt, nhưng đều không tương ứng, cho nên nói là Không. Nếu lìa vọng tâm ra thì thật cũng không có cái Không để mà nói.

b) Bất Không:

Cái được gọi là Bất Không là vì như đã nói trên, pháp thể là không, không có vọng niệm, đó tức là cái Nhất Tâm, thường hằng bất biến, đầy đầy pháp tịnh, thường gọi là Bất Không. Nó cũng không có cái tướng có thể nắm bắt, vì là cảnh giới ly niệm, chỉ do chứng nhập thì mới tương ứng mà thôi.

2. Tâm Sanh Diệt:

Cái sanh diệt của tâm là vì nương vào Như Lai Tạng mà có tâm sanh diệt. Đó là cái được gọi là Bất Sanh Bất Diệt, cùng với Sanh Diệt hòa hợp nhau, chẳng phải một, chẳng phải khác, mệnh danh là Thức A lại da.

Thức ấy có công năng thu vô tất cả pháp và sanh ra tất cả pháp. Nó bao gồm hai nghĩa. Một là nghĩa Giác. Hai là nghĩa Bất Giác.

Cái gọi là Giác chỉ là cái thể của tâm ly niệm. Tướng của tâm ly niệm ngang bằng hư không, không đâu không khắp. Tướng Nhất của pháp giới tức Pháp Thân Bình Đẳng của Như Lai. Nương vào Pháp thân ấy gọi là Bản giác.

Vì sao vậy? Vì nghĩa bản giác là đối với thủy giác mà nói. Nhưng thủy giác cũng tương đồng với bản giác. Thủy giác nghĩa là: Nương vào bản giác cho nên nói có bất giác, nương vào bất giác cho nên nói có thủy giác. Lại nữa vì giác thấu nguồn tâm cho nên gọi là cứu cánh giác. Không giác thấu nguồn tâm thì gọi là phi cứu cánh giác.

Nghĩa ấy là thế nào? Như người phạm phu vì giác biết niệm trước khởi ác nên chặn đứng niệm sau, khiến không sanh khởi được. Tuy cũng gọi là Giác nhưng cũng chỉ là Bất Giác.

Như bậc quán trí Nhị Thừa và hàng Bồ Tát sơ phát tâm, giác biết tướng dị của Niệm. Niệm không có tướng dị, vì đây chỉ là xả bỏ các tướng chấp trước phân biệt thô trọng cho nên gọi là Tương Tợ Giác.

Như hàng Bồ Tát pháp thân, giác biết tướng trụ của niệm. Niệm không có tướng trụ, vì đây là xa lìa tướng niệm thô trọng phân biệt cho nên gọi là Tùy Phần Giác.

Như hàng Địa tạng Bồ Tát, đầy đủ phương tiện, tu hành, trong một tích tắc tương ứng với Nhất Tâm. Tâm không có tướng sơ, vì đến đây xa lìa được vọng niệm vi tế, thấy rõ tâm tánh, tâm liền an trú vĩnh viễn, gọi là Cứu Cánh Giác.

Cho nên kinh nói: Nếu chúng sanh nào quán được Vô Niệm, kẻ đó đang hướng tới trí Phật. Lại nữa, tâm khởi thật không có tướng sơ có thể biết được. Nói biết tướng sơ tức nói Vô Niệm vậy. Cho nên tất cả chúng sanh không gọi là Giác, vì ngay trong bản chất vốn là niệm niệm tiếp nối, chưa hề lìa khỏi, cho nên gọi đó là Vô Minh Vô Thủy. Nếu chứng đắc vô niệm thời biết bốn tướng sanh trụ dị diệt của tâm, vì chúng bình đẳng với vô niệm. Mà thật cũng không có cái tánh giác nào khác mệnh danh là thủy giác, vì bốn tướng cùng có một lần và đều không tự lập, bản lai bình đẳng, cùng một tánh giác vậy.

Lại nữa, bản giác ra khỏi tạp nhiễm, sanh xuất hai tướng, cùng với bản giác không lìa bỏ nhau. Một là tướng trí tịnh. Hai là tướng nghiệp không thể nghĩ bàn.

Tướng trí tịnh là bởi nương vào sự huân tập của pháp lực, tu hành như thật, đầy đủ phương tiện rồi thì phá tướng thức hòa hiệp, diệt tướng tâm tương tục, hiển hiện pháp thân cho nên trí huệ thuần tịnh.

Nghĩa ấy thế nào? Vì mọi tướng của Tâm Thức đều là Vô Minh. Tướng của vô minh không rời tánh giác. Chẳng phải có thể phá hoại, cũng chẳng thể không thể phá hoại. Như nước bể cả, vì có gió thổi mà có sóng động, tướng nước tướng sóng không rời nhau nhưng nước chẳng phải tánh động. Nếu gió ngừng thổi thì tướng động cũng dứt, tánh ướt không hoại diệt. Cũng vậy, tâm tự tánh thanh tịnh của chúng sanh, vì gió vô minh lay động, tâm và vô minh đều không hình tướng và không rời bỏ nhau, nhưng tâm chẳng phải tánh động. Nếu vô minh diệt thì tướng tương tục diệt, nhưng tánh trí không hư hoại.

Tướng nghiệp không thể nghĩ bàn là nương nơi tướng trí tịnh mà có thi tác, hóa hiện ra mọi cảnh giới thù thắng vi diệu. Đó là cái được gọi là tướng công đức vô lượng, thường hằng không đoạn diệt. Tùy theo căn cơ của chúng sanh mà tương ưng tự nhiên, hiện ra đủ loại cảnh giới, khiến được lợi ích.

Lại nữa, tướng của giác thể có bốn nghĩa lớn, nó mênh mông ngang bằng hư không, như bốn tấm gương trong sáng.

Bốn nghĩa ấy là gì?

Một là gương như thật không, xa lìa tất cả các tướng cảnh giới của tâm, không một pháp nào có thể hiện ra trong đó, vì đây không phải nghĩa giác chiếu.

Hai là gương nhân huân tập, tức huân tập của như thật bất không. Tất cả các cảnh giới đều hiện ra trong đó, không ra không vào, không mất không hư, nhất tâm thường trú, vì tất cả pháp đều là tánh chân thật. Lại vì tất cả các nhiễm pháp không thể nhiễm ô được nó, trí thể không động, đầy đủ công đức huân tập chúng sanh.

Ba là gương pháp xuất ly, nghĩa là vì cái như thật bất không ra khỏi phiền não ngại và trí ngại, lìa tướng hòa hợp, thuần tịnh sáng suốt.

Bốn là gương duyên huân tập, nghĩa là vì nương nơi pháp xuất ly nên soi thấu khắp tâm chúng sanh, khiến tu tập căn lành, tùy niệm mà thị hiện.

Cái gọi là Bất Giác, là không biết đúng như sự thật cái chân như là cái duy nhất, cho nên loáng choáng tâm móng lên mà sanh ra niệm. Niệm không có tướng riêng, chẳng rời Bản giác. Giống như người lạc đường, vì nương vào phương hướng cho nên mới có lạc. Nếu rời phương hướng ra thì không có lạc. Chúng sanh cũng thế, vì nương nơi Giác mới có Mê. Nếu lìa tánh giác, thời không có bất giác. Bởi vì có tâm vọng tưởng Bất Giác, cho nên hay biết được danh nghĩa, gọi là Chân Giác. Nếu lìa được cái tâm Bất Giác, thời cũng không có cái tướng riêng của Chân Giác có thể nói được.

Lại nữa, vì Bất Giác nên sanh ra ba loại tướng, cùng với Bất Giác tương ưng không rời. Ba tướng ấy là gì?

Một là tướng nghiệp của Vô Minh. Vì nương nơi Bất Giác cho nên tâm động, gọi đó là Nghiệp. Giác thì không động, mà động thì tức có khổ, vì quả không lìa nhân.

Hai là tướng Năng Kiến. Vì nương nơi tâm động cho nên có năng kiến. Không động thời không có kiến.

Ba là tướng Cảnh Giới. Vì nương nơi năng kiến cho nên cảnh giới hiện ra hư dối. Lìa kiến thời không có cảnh giới.

Vì có cảnh giới làm duyên, cho nên lại sanh ra thêm sáu tướng thô. Sáu tướng ấy là gì?

Một là tướng Trí. Vì nương nơi cảnh giới, tâm sanh phân biệt, cho nên mới có ưa thích và không ưa thích.

Hai là tướng Tương Tục. Vì nương nơi trí, cho nên sanh ra khổ vui, biết tâm khởi niệm, tương ưng không dứt.

Ba là tướng Chấp Thủ. Vì nương nơi tương tục, cho nên vin vào cảnh giới của vọng tâm, nắm giữ khổ vui, tâm sanh đắm trước.

Bốn là tướng Kế Danh Tự. Vì nương nơi vọng chấp, cho nên phân biệt tướng danh ngôn hư dối.

Năm là tướng Khởi Nghiệp. Vì nương nơi danh ngôn, cho nên y danh thủ nghĩa, say đắm vào đó mà gây ra các nghiệp.

Sáu là tướng Nghiệp Hệ Khổ. Vì nương nơi nghiệp cho nên phải chịu quả báo, không được tự tại.

Nên biết rằng vô minh là đầu mối sinh ra tất cả các pháp ô nhiễm. Vì tất cả pháp ô nhiễm đều là tướng của Bất Giác.

Lại nữa, Giác và Bất Giác có hai loại tướng. Hai loại là gì?

Một là tướng Đồng.

Hai là tướng Khác.

Tướng Đồng là, ví như các món đồ gốm đều cùng tánh tướng giống như mây bụi. Cũng vậy, các loại nghiệp huyễn là vô lậu và vô minh đều cùng tánh tướng giống như là Chân Như. Cho nên trong kinh, nương vào nghĩa ấy, nói tất cả chúng sanh bản lai thường trú, vào trong Niết Bàn. Cái Bồ Đề không phải là cái tu được, chẳng phải là cái làm ra được, rốt ráo không đắc, cũng không có tướng sắc có thể thấy được. Có sự thấy được tướng sắc là chỉ do nghiệp huyễn tùy nhiễm gây nên, không phải do tánh bất không của trí sắc, vì tướng của trí không thể thấy được.

Tướng Khác là, ví như các món đồ gốm, không món nào giống món nào. Cũng vậy, vô lậu và vô minh, bởi tánh huyễn nhiễm sai khác cho nên tùy theo sự sai khác của tánh huyễn nhiễm mà có khác sai.

3. Nhân Duyên Sanh Diệt:

Lại nữa, nhân duyên sanh diệt, nghĩa là chúng sanh nương nơi tâm, ý và ý thức triển chuyển mà dấy khởi. Nghĩa ấy là thế nào?

Bởi nương nơi A lại da mà nói có vô minh loáng choáng dấy lên, thấy có cảnh giới, hiện ra cảnh giới và nắm lấy cảnh giới, liên tục khởi niệm, cho nên gọi đó là Ý.

Ý gồm có năm tên. Năm tên ấy là những gì?

Một là Nghiệp Thức, chỉ sức Vô Minh bất giác khiến Tâm động.

Hai là Chuyển Thức, chỉ cái năng lực thấy Tướng cảnh giới, nương vào Tâm động.

Ba là Hiện Thức, chỉ cái năng lực hiện ra tất cả cảnh giới, như gương sáng hiện ra các hình ảnh. Hiện thức cũng vậy, tùy theo năm trần đối chiếu thì liền hiện, không có trước sau, vì thường hằng hiện tiền, mặc sức lúc nào cũng khởi được.

Bốn là Trí Thức, là phân biệt các pháp nhiễm tịnh.

Năm là Tương Tục Thức, vì vọng niệm tương ưng không dứt, cho nên nắm giữ các nghiệp thiện ác của vô lượng kiếp trong quá khứ, khiến không mất được. Lại thành thực được quả báo khổ vui trong hiện tại và vị lai, không hề sai lệch. Khiến được những việc đã trải qua bỗng nhiên nhớ lại, những việc sắp tới băng khuâng lo nghĩ. Cho nên ba cõi hư dối, chỉ do Tâm tạo tác. Liạ Tâm ra không có cảnh giới sáu trần.

Nghĩa ấy thế nào?

Vì tất cả các pháp đều từ tâm khởi, do vọng niệm mà có sanh ra. Mọi phân biệt chỉ là phân biệt tự tâm. Nhưng tâm không thấy, tâm không có tướng có thể đắc. Nên biết rằng tất cả cảnh giới trong thế gian đều nương nơi Tâm hư dối vô minh của chúng sanh mà tồn

tại. Cho nên tất cả các pháp thấy đều như bóng trong gương, không có thật để có thể đắc, chỉ do Tâm hư dối tạo ra. Do đó, hễ Tâm sanh thời Pháp Pháp đều sanh, Tâm diệt thời Pháp Pháp đều diệt.

Lại nữa, nói ý thức tức chỉ cái thức tương tục này. Nương nơi sự say đắm nắm bắt càng ngày càng lún sâu thêm của hàng phàm phu, mọi loại vọng chấp dấy lên, so chấp cái ta và cái của ta, rồi phan duyên xuôi theo sự vật, phân biệt sáu trần, cái đó gọi là Ý thức, cũng gọi là Thức Phân Ly. Lại còn có tên là Thức Phân Biệt Sự. Thức này nương vào phiền não, kiến ái mà tăng trưởng.

Cái Thức do Vô Minh huân tập mà dấy khởi lên, không phải là điều mà phàm phu biết được. Cũng chẳng phải cái mà trí tuệ Nhị Thừa ngộ được. Chỉ có Bồ Tát từ cấp chánh tín, phát tâm quán sát cho đến khi chứng pháp thân thì mới biết được một phần nhỏ. Cho đến Địa Tạng Bồ Tát cũng còn chưa biết hết. Duy Phật mới hoàn toàn thấu rõ mà thôi.

Vi sao vậy?

Vi tâm ấy ngay trong bản chất, tự tánh của nó vốn thanh tịnh, nhưng lại có vô minh, và bị vô minh làm cho ô nhiễm mà thành nhiễm tâm. Và tuy có nhiễm tâm nhưng vẫn thường hằng bất biến. Cho nên nghĩa này chỉ có Phật mới biết rõ. Đó lại cái được gọi là tâm tánh thường vô niệm, cho nên gọi là bất biến. Vì không thấu suốt pháp giới là cái duy nhất, cho nên tâm không tương ứng, bỗng nhiên Vọng niệm dấy khởi, gọi đó là Vô minh.

Nhiễm tâm có sáu loại. Sáu loại ấy là gì?

Một là Chấp Tương Ứng Nhiễm, nương vào giải thoát của Nhị Thừa và Tín Tương Ứng Địa mà dứt trừ.

Hai là Bất Đoạn Tương Ứng Nhiễm, nương vào Tín Tương Ứng Địa, tu học nhiều phương tiện mà dần dần xả bỏ, cho đến khi chứng đắc Tịnh Tâm Địa mới rốt ráo trừ hết.

Ba là Phân Biệt Trí Tương Ứng Nhiễm, nương vào Cụ Giới Địa mà trừ dần, cho đến khi chứng đắc Vô Tướng Phương Tiện Địa mới rốt ráo trừ xong.

Bốn là Hiện Sắc Bất Tương Ứng Nhiễm, nương vào Sắc Tự Tại Địa mà trừ được.

Năm là Năng Kiến Tâm Bất Tương Ứng Nhiễm, nương vào tâm Tự Tại Địa mà trừ được.

Sáu là Căn Bản Nghiệp Bất Tương Ứng Nhiễm, nương vào Tận Địa của Bồ Tát, rồi từ đó bước vào Như Lai Địa mà trừ được.

Như vậy, cái gọi là không thấu rõ Pháp giới chỉ một, nay muốn thấu rõ thì phải bắt đầu từ Tín Tương Ứng Địa mà quán sát học tập đoạn trừ, vào được Tịnh Tâm Địa chỉ trừ bỏ được từng phần, cho đến Như Lai Địa mới rốt ráo trừ xong.

Nói tương ứng có nghĩa là Tâm niệm và Pháp khác nhau, nương vào Nhiễm và Tịnh khác nhau, nhưng cùng biết như nhau về Tướng Tương Duyên.

Bất Tương Ứng tức là cái Bất Giác của Tâm thường không có khác sai, không cùng biết Tướng Như Duyên.

Lại nữa, nghĩa của Nhiễm Tâm gọi là Phiền Não Ngại, vì nó che lấp trí căn bản Chân Như. Nghĩa của Vô Minh gọi là Trí Ngại, vì nó che lấp trí nghiệp tự nhiên thế gian. Nghĩa ấy thế nào?

Vi nương vào nhiễm tâm mà có Năng kiến, Năng hiện và hư dối nắm bắt cảnh giới, trái với tánh bình đẳng. Vì tất cả các pháp thường hằng thanh tịnh, không có tướng khởi nhưng cái Bất Giác của Vô Minh vọng khởi trái với các Pháp, cho nên không thể tùy thuận mọi loại hay biết về tất cả cảnh giới thế gian.

4. Tướng Sanh Diệt:

Lại nữa, tướng Sanh Diệt có hai loại. Hai loại là gì?

Một là tướng thô vì tương ứng với Tâm.

Hai là tướng tế vì không tương ứng với Tâm.

Lại, Thô trong Thô là cảnh giới của phàm phu.
Tế trong Thô và Thô trong Tế là cảnh giới của Bồ Tát.
Tế trong Tế là cảnh giới của Phật.

Hai loại tướng sanh diệt này nương nơi sức huân tập của Vô Minh mà có. Đó là cái được gọi là Nương nhân và Nương duyên.

Nương nhân tức là nương vào Bất Giác.
Nương duyên tức là nương vào vọng hiện của cảnh giới.

Nếu nhân diệt thì duyên diệt. Nhân diệt cho nên tâm “không tương ưng” diệt. Duyên diệt cho nên tâm “tương ưng” diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt, làm sao tương tục? Nếu tương tục, làm sao nói rốt ráo diệt?

Đáp: Nói diệt là chỉ tướng của Tâm diệt, không phải thể của tâm diệt.

Như gió nương nước mà có tướng động. Nếu nước diệt thì tướng gió dứt mất, không có chỗ nương. Vì nước không diệt nên tướng gió tương tục. Chỉ có gió diệt thì tướng động diệt theo, không phải nước diệt. Vô minh cũng vậy, nó nương vào thể của tâm mà có động. Nếu thể ấy mà diệt thì chúng sanh dứt mất, không có chỗ nương. Vì Thể không diệt nên tâm được tương tục. Chỉ có si diệt nên tướng của Tâm diệt theo, không phải Tâm trí diệt.

5. Nhiệm Tịnh Tương Tư:

Lại nữa, có bốn loại pháp huân tập, khiến cái Nhiễm và cái Tịnh dấy khởi liên tục không dứt. Bốn pháp ấy là gì?

Một là cái tịnh gọi là Chân Như.

Hai là nguyên nhân của mọi loại nhiễm ô gọi là Vô Minh.

Ba là tâm hư vọng gọi là Nghiệp Thức

Bốn là cảnh hư vọng tức là Sáu trần.

Nghĩa của huân tập là như quần áo vốn không có mùi thơm nhưng nếu lấy hoa mà xông ướp thì áo quần có mùi thơm của hoa. Ở đây cũng vậy. Cái tịnh Chân Như vốn không nhiễm ô, chỉ vì Vô Minh huân tập nên có tướng nhiễm ô. Cái nhiễm Vô Minh vốn không có nghiệp thanh tịnh, chỉ vì Chân Như huân tập nên có dụng thanh tịnh.

A. Nhiễm Huân:

Thể nào là huân tập khởi lên cái Nhiễm không dứt? Là nương nơi cái Chân Như nên có Vô Minh. Vì có Vô Minh là nhân của cái Nhiễm nên liền huân tập Chân Như. Vì bị huân tập nên có vọng tâm. Vì có vọng tâm nên huân tập lại Vô Minh. Bởi không rõ cái Chân Như, cho nên loáng choáng niệm khởi, hiện ra vọng cảnh. Vì có cái Nhiễm là vọng cảnh làm duyên, cho nên liền huân tập vọng tâm, khiến niệm ấy say đắm, tạo ra nghiệp này nghiệp khác, để rồi chịu mọi nỗi khổ đau cả thân lẫn tâm.

Nghĩa huân tập của Vọng cảnh có hai loại. Hai loại ấy là gì?

Một là huân tập làm tăng trưởng Niệm.

Hai là huân tập làm tăng trưởng Thủ.

Nghĩa huân tập của Vọng tâm có hai loại. Hai loại ấy là gì?

Một là huân tập căn bản của Nghiệp thức (Vô minh) khiến La Hán, Bích Chi, và tất cả Bồ Tát chịu khổ sanh tử.

Hai là huân tập làm tăng trưởng phân biệt sự thức khiến phàm phu chịu khổ gắn liền với nghiệp.

Nghĩa huân tập của Vô minh có hai loại. Hai loại ấy là gì?
Một là huân tập căn bản, vì nó thành tựu được Nghiệp thức.
Hai là huân tập của Kiến và Ái bị đẩy khởi lên, vì nó thành tựu được phân biệt sự thức.

B. Tịnh Huân:

Thế nào là huân tập khởi lên cái tịnh không dứt?

Đó là vì có cái Chân Như cho nên huân tập được cái Vô Minh. Do sức của nhân duyên huân tập ấy nên mới khiến vọng tâm chán ghét khổ sanh tử và mong cầu vui Niết Bàn. Vì vọng tâm ấy có nhân duyên chán ghét và cầu mong, cho nên liền huân tập Chân Như, khiến chúng sanh tự tin nơi tánh mình, biết tâm vọng động, không có cảnh giới trước mắt, tu phép xa lìa. Vì đã biết đúng như sự thật rằng cảnh giới trước mắt không có thật, cho nên nương theo nhiều phương tiện tu hành khác nhau mà khởi hạnh tùy thuận, không chấp thủ, không khởi niệm. Tu như thế này lâu ngày, nhờ sức huân tập mà Vô Minh diệt. Vì Vô Minh diệt nên tâm không khởi động. Vì không có khởi động nên cảnh giới diệt theo. Vì Nhân cả Duyên đều diệt cho nên tướng của Tâm mất hết, gọi là chứng đắc Niết Bàn, nghiệp dụng tự nhiên được thành tựu.

Nghĩa huân tập của Vọng Tâm có hai loại. Hai loại ấy là gì?

Một là huân tập của Phân Biệt Sự Thức. Đây là nương nơi chúng sanh phàm phu và nhị thừa mà nói, vì họ chán khổ sanh tử cho nên tùy theo khả năng riêng của từng người mà dần dần xu hướng đạo vô thượng.

Hai là huân tập của Ý. Đây là nương vào Bồ Tát mà nói, vì hạng này phát tâm dũng mãnh, mau đi đến Niết Bàn.

Nghĩa huân tập của Chân Như có hai loại. Hai loại ấy là gì?

Một là huân tập Tự Thế Tướng

Hai là huân tập của Dụng.

Huân tập của Tự Thế Tướng là, từ vô thủy đến nay, sẵn đủ cái vô lậu, có đủ Nghiệp bất tư nghì làm tánh của cảnh giới. Nương vào hai nghĩa huân tập thường hằng ấy, vì có đủ sức cho nên khiến được, chúng sanh chán khổ sanh tử, cầu vui Niết Bàn, tự tin thân mình có cái Chân Như, cho nên phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu quả thật như vậy thì tất cả chúng sanh đều có Chân Như và đều huân tập đồng đều như nhau. Tại sao có người tin kẻ không, và có vô lượng sai biệt trước sau khác nhau? Đáng lẽ tất cả phải đồng thời tự biết mình có cái Chân Như, siêng tu phương tiện, để rồi cùng nhập Niết Bàn một lần với nhau mới phải?

Đáp: Chân Như vốn chỉ có một, nhưng Vô Minh thì có vô lượng vô biên. Tánh riêng của Vô Minh vốn đã sai khác ngay từ trong bản chất, cho nên có dày mỏng khác nhau. Các phiền não hạng nặng, nhiều hơn số cát sông Hằng, đều nương nơi Vô Minh mà sanh khởi khác nhau. Các phiền não hạng thường là Ngã Kiến (Thấy có cái Tôi) và Ngã Ái (Yêu cái Tôi), cũng đều nương nơi Vô Minh mà sanh khởi khác nhau. Tất cả các phiền não nhiều như vậy, đều nương nơi Vô Minh và đều do Vô Minh sanh khởi trước sau không đồng và có vô lượng sai biệt. Chỉ có Phật mới biết được. Lại nữa, pháp của chư Phật có nhân có duyên. Nhân duyên phải đầy đủ thì sự việc mới thành tựu. Ví như tánh lửa ở trong thân cây là nhân chánh của lửa, nếu không có người biết mượn phương tiện để lấy lửa ra, bảo cây tự cháy là điều không thể có được.

Chúng sanh cũng vậy. Tuy có sức huân tập của chánh nhân, nhưng nếu không gặp các bậc thiện tri thức là Chư Phật Bồ Tát và lấy đó làm duyên, mà có thể tự mình dứt trừ phiền não để vào Niết Bàn, thì đó là điều không thể có được. Còn nếu như có sức của ngoại duyên, nhưng cái tịnh bên trong chưa có sức huân tập, thì cũng không thể rốt ráo chán khổ sanh tử và cầu vui Niết Bàn được.

Nếu nhân duyên đầy đủ, nghĩa là nếu tự mình có sức huân tập bên trong, lại được đại nguyện từ bi của Chư Phật Bồ Tát gia hộ, thì mới sanh khởi được cái tâm chán khổ, tin có Niết Bàn, tu tập căn lành. Nhờ có tu tập căn lành, thành thực rồi thì được gặp Chư Phật và Bồ Tát chỉ bày, giáo hóa, đem lại lợi ích mừng vui, và mới có thể hưởng thẳng đến đạo Niết Bàn mà tiến tới.

Huân tập của Dụng tức là cái sức làm ngoại duyên cho chúng sanh. Ngoại duyên như vậy có vô lượng nghĩa. Nói gọn có hai nghĩa. Hai nghĩa ấy là gì?

Một là Duyên Sai Biệt.

Hai là Duyên Bình Đẳng.

Duyên Sai Biệt là, ví có chúng sanh nương nơi Chư Phật Bồ Tát, từ khi mới bắt đầu phát tâm cầu đạo cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian đó, dù chỉ nghĩ đến hay chính mình được thấy Chư Phật Bồ Tát hiện ra, hoặc là làm bà con cha mẹ, hoặc là làm người giúp việc, hoặc là làm người bạn tâm giao, hoặc là làm kẻ oán thù, hoặc là hiện ra bốn nhiếp pháp, cho đến bất cứ công việc gì khác nữa, nhiều đến vô lượng, cốt để kết duyên, nhờ sanh khởi sức huân tập đại bi mà khiến chúng sanh tăng trưởng được căn lành, dù thấy dù nghe đều được lợi ích.

Duyên Sai Biệt này có hai thứ: Một là duyên gần, vì mau được độ. Hai là duyên xa, vì lâu xa mới được độ.

Hai duyên gần và xa này lại còn chia thành hai loại. Hai loại ấy là gì?

Một là Duyên Tăng Trưởng Hành Nghiệp.

Hai là Duyên Thọ Đạo.

Duyên Bình Đẳng là, tất cả Chư Phật Bồ Tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, huân tập một cách tự nhiên và thường hằng, không lúc nào xả bỏ. Do sức bi trí đồng thể, cho nên tùy theo điều mình thấy nghe mà ứng hiện ra việc làm. Đây là điều Kinh dạy: “Chúng sanh nương nơi tam muội mới được bình đẳng thấy được Chư Phật.”

Huân tập của Thể và Dụng nói trên lại còn chia ra làm hai loại. Hai loại ấy là gì?

Một là chưa tương ứng. Tức như phàm phu, Nhị Thừa, và Bồ Tát sơ phát tâm, vì dùng sức huân tập của Ý và Ý Thức, rồi nương vào sức của tín tâm mà tu hành, cho nên chưa đạt được Tâm vô phân biệt để cùng tương ứng với Thể, chưa đạt được sự tu hành nghiệp tự tại để cùng tương ứng với Dụng.

Hai là đã tương ứng. Tức như Bồ Tát Pháp Thân, đã đạt được Tâm vô phân biệt, và cùng tương ứng với trí dụng của Chư Phật, cho nên chỉ nương vào pháp lực mà tu hành một cách tự nhiên, huân tập Chân Như mà diệt trừ Vô Minh.

Lại nữa, từ vô thủy đến nay, cái nhiễm huân tập không dứt, nhưng đến khi thành Phật thì dứt. Cái tịnh huân tập này thời cho đến tận cùng vị lai cũng không dứt. Nghĩa ấy thế nào? Là vì cái Chân Như hằng thường huân tập thời vọng tâm tiêu diệt, Pháp thân hiển hiện ra mà dứt khởi huân tập của Dụng, cho nên Vô Minh triệt tiêu.

6. Như Lai Tạng:

Lại nữa, tự thể tướng của Chân Như, tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Chư Phật, thầy đều có như nhau, không thêm không bớt. Không phải trước sau, không phải sanh diệt, rốt ráo thường hằng. Ngay trong bản chất, tự tánh đầy đủ tất cả công đức. Tức như kinh nói: Tự tánh ấy có nghĩa Đại Trí Huệ Quang Minh, có nghĩa Biến Chiếu Pháp Giới, có nghĩa Chân Thật Thức Tri, có nghĩa Tự Tánh Thanh Tịnh Tâm, có nghĩa Thường Lạc Ngã Tịnh, có nghĩa Thanh Lương Bất Biến Tự Tại, đầy đủ mọi nghĩa của pháp Phật là Bất Ly, Bất Đoạn, Bất Dị, Bất Khả Tư Nghì, nhiều hơn số cát sông Hằng, đầy đủ tất cả, không thiếu một nghĩa cốn con nào, gọi là Như Lai Tạng. Cũng gọi là Như Lai Pháp Thân.

Hỏi: Trước nói Chân Như, tự thể nó bình đẳng, xa lìa mọi tướng, vì sao ở đây lại nói thể ấy có các công đức nhiều như vậy?

Đáp: Tuy nó quả thật có các công đức ấy, nhưng chúng không có tướng sai khác, tất cả đều nhất vị bình đẳng cùng một Chân Như duy nhất. Nghĩa ấy thế nào? Vì không phân biệt, vì lìa tướng phân biệt cho nên không hai.

Lại vì nghĩa gì mà nói chúng có sai biệt?

Đó là nương vào tướng sanh diệt của Nghiệp Thức mà nói để hiển thị.

Hiển thị thế nào?

Tất cả các pháp vốn dĩ chỉ do một Tâm, không hề có Niệm, nhưng vì có Vọng Niệm, bắt giác Niệm khởi mà thấy có các cảnh giới, cho nên nói là Vô Minh.

Tánh của Tâm không khởi Niệm, đó là nghĩa Đại Trí Huệ Quang Minh.

Nếu Tâm dấy khởi cái thấy, thời có cái mà Tâm không thấy. Tánh của Tâm xa lìa cái thấy, đó là nghĩa Biến Chiếu Pháp Giới.

Nếu Tâm có động, tức không phải là tri thức chân thật, không có tự tánh, chẳng phải thường, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải tịnh, mà là nhiệt não suy biến, không phải tự tại, cho đến có đủ tất cả Vọng nhiễm nhiều hơn số cát sông Hằng.

Đổi lại các nghĩa ấy, nếu tánh của Tâm không động thời ngược lại có các tướng công đức thanh tịnh thị hiện, cũng nhiều hơn số cát sông Hằng.

Nếu Tâm dấy khởi cái thấy, mà lại chỉ thấy những cái trước mặt có thể Niệm được, thời còn thiếu những cái không thấy được. Cái Tịnh với vô lượng công đức như vậy, tức là cái Nhất Tâm. Nó lại không có cái bị Niệm cho nên đầy đủ thanh tịnh, gọi là Pháp Thân, kho chứa giấu Như Lai.

Lại nữa, Dụng của Chân Như, là như các Đức Như Lai, khi mới bắt đầu tạo dựng nhân địa tu hành, phát tâm từ bi rộng lớn, thật hành các hạnh ba la mật, nhiếp hóa chúng sanh, lập thế nguyện rộng lớn, muốn độ thoát hết toàn cõi chúng sanh, bình đẳng như nhau, lại cũng không hạn cuộc số kiếp lâu mau, cho đến tận cùng đời vị lai, vì lấy tất cả chúng sanh làm thân của mình mà cũng không nắm giữ tướng chúng sanh. Như thế nghĩa là thế nào? Nghĩa là biết đúng như sự thật rằng tất cả chúng sanh và chính thân mình đều cùng một Chân Như, bình đẳng, không khác không sai.

Vì có cái trí của phương tiện tu hành lớn lao như vậy, cho nên trừ được Vô Minh, thấy được Pháp Thân vốn có của mình, mà tự nhiên có mọi loại diệu dụng của Nghiệp Bất Tư Nghì. Dụng đó liền cùng với Chân Như bình đẳng rải khắp tất cả mọi nơi, mà cũng không có cái tướng của Dụng có thể nắm bắt được.

Vì sao vậy? Vì các Đức Như Lai chỉ là Thân Pháp (Pháp Thân), tức Thân của Tướng Trí. Đây là sự thật tuyệt đối, sự thật đệ nhất nghĩa. Trong thân ấy không có cảnh giới theo nghĩa của Sự Thật Thế Gian, xa lìa thi tác, chỉ tùy nơi sự thấy nghe của chúng sanh mà được lợi ích, cho nên nói đó là Dụng.

Dụng ấy có hai loại. Hai loại là gì?

Một là loại nương vào Phân Biệt Sự Thức mà Tâm của phàm phu và Nhị Thừa thấy được, gọi là Ứng Thân. Vì không biết là do Chuyển Thức hiện ra, cho nên họ thấy thân ấy từ ngoài đến nắm lấy một mảnh chia cắt của Sắc chất, vì vậy không thể biết hết được.

Hai là loại nương vào Nghiệp Thức mà Tâm của các hàng Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm cho đến Cứu Cánh Địa thấy được, gọi là Báo Thân. Thân ấy có vô lượng sắc, sắc ấy có vô lượng tướng, tướng ấy có vô lượng vẻ. Trú xứ của thân ấy, nương nơi quả báo, cũng có vô lượng các món trang nghiêm. Tùy theo các món được thị hiện ra mà liền không có giới hạn, không thể cùng tận, xa lìa tướng chia cắt. Rồi tùy theo các món bị ứng lại mà thường nắm

giữ đứng yên, không hư không mất. Những công đức như vậy sẽ dĩ thành tựu được là do sức huân tập của các hạnh vô lậu ba la mật và sức huân tập bất tư nghi, đầy đủ vô lượng tướng vui, cho nên gọi là Báo. Lại vì những gì phàm phu thấy được chỉ là Thô Sắc, tùy theo sáu loại chúng sanh trong sáu đường mà mỗi loại thấy mỗi khác. Các món thấy biết sai khác ấy không phải là Tướng thọ lạc, cho nên nói là Ứng.

Lại nữa, cái Thân Phật mà Bồ Tát sơ phát tâm thấy được, là chỉ nhờ tin sâu cái Chân Như mà có thấy chút đỉnh và biết các món trang nghiêm của tướng sắc, không đến không đi, xa lìa chia cắt, chỉ do Tâm hiện, không rời Chân Như mà riêng có. Nhưng Bồ Tát ấy chỉ tự phân biệt mình, vì chưa vào trong Pháp thân. Nếu được Tâm thanh tịnh rồi, thì cái mà Bồ Tát thấy sẽ vi diệu và Dụng của nó trở thành thù thắng. Cho đến cấp địa tận của Thập Địa thì Bồ Tát mới thấy rõ ràng. Nếu lìa nghiệp thức rồi thì không còn tướng thấy, bởi vì Pháp Thân của Chư Phật không có tướng sắc bên này bên kia giao nhau xen nhau mà thấy.

Hỏi: Pháp Thân của Chư Phật xa rời tướng Sắc, vì sao lại có thể hiện ra tướng Sắc được?

Đáp: Chính ngay Pháp Thân ấy là Thể của Sắc, vì vậy mà hiện ra nơi Sắc. Đó là cái được gọi là: Từ trong bản chất, Sắc và Tâm không hai. Vì tánh của Sắc tức là Trí, cho nên Thể của Sắc vô hình, gọi là Trí Thân (Thân Trí). Vì tánh của Trí tức là Sắc, cho nên nói Pháp Thân (Thân Pháp) hiện ra khắp nơi. Sắc bị hiện không có chia cắt, chỉ tùy theo tâm mà thị hiện vô lượng Bồ Tát, vô lượng Báo Thân, vô lượng trang nghiêm trên khắp thế giới mười phương, mỗi mỗi sai khác, đều không chia cắt, nhưng không ngăn ngại nhau. Đó không phải là cái mà sức phân biệt của tâm thức có thể biết được, vì nó là Dụng tự tại của Chân Như vậy.

7. Tùy Thuận Hội Nhập:

Lại nữa, phải ngay từ Sanh Diệt môn mà đi vào Chân Như môn. Như trong kinh nói: Ruộng khắp năm uẩn, uẩn sắc cũng như uẩn tâm, và cảnh giới sáu trần, tất cả đều rõ ràng vô niệm. Vì tâm không hình tướng, rong khắp mười phương, không đâu tìm thấy. Như người đi lạc đường, gọi Đông là Tây nhưng phương hướng thật không thay đổi. Chúng sanh cũng vậy, vì bị Vô Minh mê hoặc, gọi Tâm là Niệm, nhưng Tâm thật không động. Nếu ra sức quán sát, biết Tâm vốn vô niệm thì liền được tùy thuận mà vào Chân Như môn.

Chương 5

Đối Trị Tà Chấp

Đối trị tà chấp, là tất cả tà chấp đều nương vào Ngã Kiến. Nếu xa lìa được Ngã thời không có tà chấp. Ngã kiến có hai loại. Hai loại ấy là gì?

Một là Nhân Ngã Kiến.

Hai là Pháp Ngã Kiến.

1. Nhân Ngã Kiến:

Nhân Ngã Kiến, là nương vào phàm phu mà nói có năm loại. Năm loại ấy là gì?

Một là nghe kinh nói Pháp thân Như Lai rất ráo vắng lặng, giống như hư không, rồi vì không biết nói như thế là nhầm để phá chấp, liền cho rằng hư không là tánh của Như Lai.

Làm thế nào để đối trị?

Cần nói cho họ rõ rằng tướng hư không là cái hư vọng, thể của nó rỗng không, nó là cái không thật, chỉ vì đối đãi với sắc mà thành có. Nó có cái tướng có thể thấy được, khiến Tâm sanh diệt. Mặt khác, tất cả những cái Sắc, bản lai là tâm, ngoài Tâm không có Sắc thật. Nếu không có Sắc thời không có tướng của hư không. Tức như kinh nói: Tất cả cảnh giới chỉ do Tâm vọng khởi mà có. Nếu Tâm xa lìa vọng động, thời mọi cảnh giới đều diệt, chỉ có một Chân Tâm duy nhất, không đâu không cùng khắp. Đó gọi là Tánh Trí rộng lớn của Như Lai, hiểu theo nghĩa rất ráo, không phải như tướng hư không.

Hai là nghe kinh nói các pháp thế gian rất ráo thể không, cho đến các pháp Chân Như Niết Bàn cũng rất ráo không, bản lai tự không, xa lìa mọi tướng, rồi vì không biết kinh nói như thế là nhầm để phá chấp, liền cho rằng tánh của Chân Như Niết Bàn chỉ là cái không.

Làm thế nào để đối trị?

Cần phải nói rõ rằng tự thể của Pháp Thân Chân Như chẳng phải thật không, vì nó có đủ vô lượng tánh công đức.

Ba là nghe kinh nói Như Lai Tạng không có thêm bớt. Thể của nó có đầy đủ tất cả tánh công đức, rồi vì không hiểu rõ, liền cho rằng Như Lai Tạng có cả Sắc lẫn Tâm với Tướng riêng sai khác nhau. Làm thế nào để đối trị?

Cần nói rõ rằng, nói Như Lai Tạng chỉ là nương vào nghĩa Chân Như mà nói, còn nói sai biệt là nhân vì cái nghĩa nhiễm ô của sanh diệt mà có thị hiện.

Bốn là nghe kinh nói tất cả những cái ô nhiễm của sanh tử trong thế gian đều nương vào Như Lai Tạng mà có, và tất cả các pháp đều không rời Chân Như, thế rồi vì không hiểu rõ, bèn cho rằng tự thể của Như Lai Tạng có đủ tất cả ô nhiễm sanh tử trong thế gian.

Làm thế nào để đối trị?

Cần phải biết rằng, Như Lai Tạng ngay trong bản chất chỉ có công đức thanh tịnh nhiều hơn số cát sông Hằng, không khác, không dứt, không lìa Chân Như. Còn các phiền não nhiễm ô nhiều hơn số cát sông Hằng, chỉ có một cách hư dối, tánh của chúng vốn không, từ vô thủy đến giờ chưa hề tương ưng với Như Lai Tạng. Nếu Như Lai Tạng, thể của nó có những cái hư dối mà khiến chúng nhập được Chân Như và vĩnh viễn dứt trừ được hư vọng, thì đâu có thể như vậy được.

Năm là nghe kinh nói nương vào Như Lai Tạng nên có sanh tử và nương vào Như Lai Tạng nên đắc Niết Bàn, rồi vì không hiểu rõ, bèn cho rằng chúng sanh có thủy; Lại vì thấy có thủy bèn cho rằng Niết Bàn mà Như Lai chứng đắc sẽ có ngày chấm dứt để trở lại làm chúng sanh.

Làm thế nào để đối trị?

Cần nói rõ rằng vì Như Lai Tạng không có tiền tế, cho nên tướng Vô Minh cũng không có thủy. Nếu nói rằng ngoài ba cõi ra, còn có chúng sanh bắt đầu sanh khởi, thì đó là thuyết của ngoại đạo. Lại nữa, Như Lai Tạng không có hậu tế. Niết Bàn mà Chư Phật chứng đắc tương ứng với Như Lai Tạng cũng không có hậu tế vậy.

2. Pháp Ngã Kiến:

Pháp Ngã Kiến là, nương vào căn cơ chậm lụt của Nhị Thừa, cho nên Như Lai chỉ nói cho họ nghe Nhân Vô Ngã, và vì nói chưa rõ ráo, cho nên họ thấy có cái sanh diệt của năm uẩn, do đó khiếp sợ sanh tử mà hư dối nắm lấy Niết Bàn.

Làm thế nào để đối trị?

Cần nói rõ cho họ hiểu rằng cái Năm Uẩn, tự tánh không sanh thời cũng không diệt, bởi bản lai nó là Niết Bàn.

Lại nữa, rõ ráo xa lìa vọng chấp là nên biết cái Nhiệm và cái Tịnh chỉ là những cái đối đãi nhau, không có tướng riêng có thể nói được. Cho nên tất cả các pháp, từ ngay trong bản chất, chẳng phải Sắc, chẳng phải Tâm, chẳng phải Trí, chẳng phải Thức, chẳng phải Có, chẳng phải Không, rõ ráo không thể nói được cái Tướng của chúng. Nhưng sở dĩ có nói ra thì ta nên biết đó là phương tiện khéo léo của Như Lai, mượn ngôn thuyết để dẫn đạo chúng sanh. Còn chỉ thú của Ngài, là chỉ nhắm mục đích ly niệm để quy về Chân Như, bởi lẽ Niệm tất cả các pháp chỉ khiến Tâm sanh diệt, không vào được Thật Trí.

Chương 6

Phát Thú Đạo Hướng

Phân biệt phát thú đạo hướng là phân tách cái Tướng Đạo mà tất cả Chư Phật chứng đắc, tất cả Bồ Tát phát tâm tu hành để mau đi đến đó. Lực nói phát tâm có ba loại. Ba loại ấy là gì?

Một là phát tâm của cấp Tín Thành Tụ.

Hai là phát tâm của cấp Giải Hạnh.

Ba là phát tâm của cấp Chứng.

Tín Thành Tụ Phát Tâm:

Phát tâm Tín Thành Tụ là nương vào những hạng người nào, tu theo những hạnh gì mà thành tựu được tín tâm, khiến cho họ đủ sức phát tâm?

Họ là hạng chúng sanh được mệnh danh là Bất Định Tụ. Nhờ có sức của căn lành huân tập cho nên họ tin quả báo của Nghiệp, khởi hành thập thiện, chán khổ sanh tử, mong cầu Vô Thượng Bồ Đề. Được gặp Chư Phật, đích thân cúng dường, tu hành tín tâm, trải qua một vạn kiếp, vì tín tâm đã thành tựu cho nên được Chư Phật Bồ Tát dạy cho phát tâm hoặc nhờ đầy lòng đại bi cho nên có thể tự phát tâm. Hoặc nhận thấy chánh pháp sắp diệt, vì muốn tạo nhân duyên để hộ trì chánh pháp mà có thể tự phát tâm. Do tín tâm thành tựu mà được phát tâm như vậy thì vào Chánh Định Tụ, rốt ráo không thoái lui, gọi là trú trong hội giống của Như Lai, tương ứng với Chánh Nhân.

Nếu có những ai mà căn lành quá mỏng, vì từ nhiều kiếp đến nay phiền não quá sâu dày, thì dù cho có được gặp Phật và được cúng dường Phật, nhưng họ cũng chỉ phát khởi được hội giống trời người, hoặc hội giống Nhị Thừa. Giả sử họ có cầu pháp Đại Thừa đi nữa, thì căn tánh cũng bất định, có thể tiến có thể thoái. Hoặc có cúng dường Chư Phật, nhưng chưa đầy một vạn kiếp, bỗng gặp nghịch duyên, cũng gọi là có phát tâm đầy, nhưng đây là loại phát tâm vì thích sắc tướng của Phật. Hoặc nhân cúng dường chúng tăng mà phát tâm. Hoặc nhân gặp Nhị Thừa giáo hóa mà khiến phát tâm. Hoặc vì bắt chước người khác mà phát tâm. Các loại phát tâm như thế thấy là Bất Định, rủi gặp nhân duyên xấu ác, có thể thoái thất hoặc rơi vào đất Nhị Thừa.

Phát tâm của Tín Thành Tụ là phát những tâm gì? Nói ước lược thì có ba loại. Ba loại ấy là gì?

Một là Trực Tâm, tức là Tâm chánh niệm cái Chân Như.

Hai là Thâm Tâm, tức Tâm ưa thích quy tụ các hạnh lành về với mình.

Ba là Đại Bi tâm, tức là tâm ưa muốn diệt trừ tận gốc tất cả khổ đau cho chúng sinh.

Hỏi: trên nói Tướng của Pháp giới chỉ là một, Thể của Phật không hai. Tại sao không niệm chỉ một mình cái Chân Như, mà còn phải mượn phương tiện cầu học các hạnh lành?

Đáp: Ví như viên ngọc Ma Ni to, thể chất trong suốt, nhưng có vết quặng dơ. Mặc dù có nghĩ đến tánh quý của ngọc, nhưng nếu không biết dùng phương tiện mà dũa mài bằng nhiều cách thì không bao giờ ngọc ấy được sáng. Cái Chân Như nơi chúng sanh cũng vậy, thể của nó rộng suốt thanh tịnh, nhưng có vô lượng cấu nhiễm phiền não. Mặc dù có niệm Chân Như, nhưng nếu không biết dùng phương tiện mà huân tập tu hành bằng nhiều cách, thì cũng không được thanh tịnh.

Vì có cấu nhiễm nhiều vô lượng và có khắp trong tất cả các pháp, cho nên muốn đối trị là phải tu tất cả các hạnh lành. Nếu ai tu được tất cả các hạnh lành thì tự nhiên trở về với Chân Như và thuận chiều với Chân Như.

Nói ước lược thì phương tiện có bốn loại. Bốn loại ấy là gì?

Một là phương tiện hạnh tu căn bản. Ấy là quán tự tánh của tất cả các pháp vô sanh, xa lìa vọng kiến, không ở trong sanh tử. Lại quán tất cả các pháp do nhân duyên hòa

hợp, nghiệp quả không mất mà khởi tâm đại bi, gây nên các phước đức để nhiếp hóa chúng sanh, không ở trong Niết Bàn. Không ở trong cả hai là vì tùy thuận tánh các pháp vốn vô trú. Hai là phương tiện ngăn chặn điều ác. Ấy là thẹn mình hổ người, sám hối tội lỗi, nhờ đó mà ngăn chặn điều ác không cho lớn thêm. Như vậy là vì tùy thuộc thuận tánh các pháp vốn xa lìa tội lỗi.

Ba là phương tiện phát khởi căn lành và tăng trưởng căn lành. Ấy là siêng năng cúng dường và lễ bái Tam Bảo, tán thán và tùy hỷ, khuyên mời Chư Phật giáo hóa. Nhờ Tâm thuần hậu kính yêu Tam Bảo ấy mà tín tâm được tăng trưởng, rồi mới có thể lập chí cầu đạo vô thượng. Lại nhân được sức gia hộ của Tam Bảo mà tiêu trừ các nghiệp chướng, khiến căn lành không thoái thất. Như vậy là tùy thuận tánh các pháp vốn xa lìa chướng ngại si mê.

Bốn là phương tiện đại nguyện bình đẳng. Ấy là phát nguyện hóa độ tất cả chúng sanh, cho đến tận cùng đời vị lai, không bỏ sót một ai, khiến tất cả đều rớt vào vô dư Niết Bàn. Như vậy là tùy thuận tánh của các pháp vốn không đoạn tuyệt. Tánh các pháp rộng lớn, hiện diện cùng khắp tất cả chúng sanh; Tánh ấy bình đẳng không hai, không phân biệt bỉ thử, rất ráo tịch diệt vậy.

Bồ Tát nhờ phát tâm ấy rồi, thời được thấy một phần nhỏ của Pháp thân. Đã thấy được Pháp thân, thời tùy theo nguyện lực riêng mà hiện ra được tám tướng lợi ích chúng sanh. Đó là: Từ Trời Đâu Xuất xuống, vào thai mẹ, ở trong thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành đạo, giáo hóa, và vào Niết Bàn. Nhưng Bồ Tát ấy chưa được gọi là Bồ Tát Pháp Thân vì các nghiệp hữu lậu gây ra từ quá khứ lâu xa cho đến lúc đó chưa cắt đứt hết, cho nên sanh ra ở đâu thì tùy theo chỗ đó mà có những nghiệp khổ vi tế. Nhưng đó cũng không phải là bị nghiệp buộc ràng, vì có sức tự tại của Đại Nguyện. Như trong kinh có chỗ nói rằng còn bị thối đọa vào ác thú, thật ra thì không phải như vậy. Đó là chỉ vì các Bồ Tát sơ học chưa vào được Chánh Định Tự mà giải đãi, cho nên Phật nói như thế để họ sợ hãi mà tinh tấn dũng mãnh hơn lên. Lại nữa, các Bồ Tát ấy sau khi đã phát tâm này thời không còn khiếp nhược, rất ráo không sợ đọa vào đất Nhị Thừa. Dù nghe nói phải cần khổ tu hành trải qua vô lượng vô biên vô số kiếp mới đắc Niết Bàn, cũng chẳng khiếp sợ. Vì họ tin và biết tất cả các pháp, từ trong bản chất, đã là Niết Bàn rồi.

Giải Hạnh Phát Tâm:

Qua sự phát tâm của Giải Hạnh thì nên biết là đã trở thành thù thắng hơn. Vì Bồ Tát này từ Sơ Phát Tâm Chánh Tín đến nay, khi a tăng kỳ kiếp đầu sắp hết, thâm giải pháp tánh của Chân Như, tu phép Ly Tướng. Vì biết thể của pháp tánh xa lìa xan tham, cho nên tùy thuận mà tu hành Bồ Thí Ba La Mật. Vì biết pháp tánh không nhiễm ô, xa lìa tội lỗi ngũ dục, cho nên tùy thuận mà tu hành Trì Giới Ba La Mật. Vì biết pháp tánh không đau khổ, xa lìa nỗi hại của sân hận, cho nên tùy thuận mà tu hành Nhẫn Nhục Ba La Mật. Vì biết pháp tánh không có tướng thân tâm, xa lìa giải đãi, cho nên tùy thuận mà tu hành Tinh Tấn Ba La Mật. Vì biết pháp tánh thường định, thể nó không loạn, cho nên tùy thuận mà tu hành Thiền Định Ba La Mật. Vì biết thể của pháp tánh thường trong sáng, xa lìa vô minh, cho nên tùy thuận mà tu hành Bát Nhã Ba La Mật.

Chứng Phát Tâm:

Phát tâm cấp Chứng là, từ địa vị Tịnh Tâm lên tới địa vị Cứu Cảnh, Bồ Tát chứng cảnh giới gì? Đó là Chân Như, nhưng vì nương vào Chuyển Thức cho nên nói là cảnh giới. Thật ra thì cái chứng đó không có tướng cảnh giới mà chỉ là Trí Chân Như, mệnh danh là Pháp Thân.

Bồ Tát ấy trong khoảng một niệm, có thể đến các thế giới ở cùng khắp mười phương, cúng dường Chư Phật, thỉnh Phật chuyển Pháp Luân, chỉ vì mục đích mở đường chỉ nẻo, làm lợi ích cho chúng sanh, không nương vào văn tự. Có khi vì chúng sanh khiếp nhược mà thị hiện mau thành Chánh Giác, vượt qua tất cả các địa vị tu hành. Có khi vì chúng sanh lười

biếng khinh nhờn mà nói "ta trải qua vô lượng vô số kiếp mới thành Phật đạo". Thị hiện vô số phương tiện chẳng thể nghĩ bàn như thế, nhưng thật ra thì căn cơ chủng tánh của Bồ Tát ngang nhau, thì phát tâm ngang nhau, sở chứng cũng ngang nhau, không có chuyện vượt qua các địa vị được. Vì tất cả các Bồ Tát đều phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu hành. Chỉ vì chúng sanh và thể giới không đồng nhau, các điều thấy nghe cũng như căn cơ, ham muốn và tánh tình có khác nhau, cho nên những việc mà Bồ Tát cấp chứng thị hiện ra cũng có sai khác.

Lại nữa, tướng của Tâm mà Bồ Tát ấy phát có ba loại với tướng rất vi tế. Ba loại ấy là gì? Một là Chân Tâm vì nó không phân biệt.

Hai là Tâm Phương Tiện, vì nó khắp làm lợi ích cho chúng sanh một cách tự nhiên.

Ba là Tâm Nghiệp Thức, vì nó dấy khởi sanh diệt vi tế.

Lại nữa, Bồ Tát ấy khi công đức đã thành tựu viên mãn rồi, thì thị hiện thân rất cao lớn ở nơi cõi Sắc Cứu Cánh, trùm lên tất cả thế gian. Đó là cái tuệ giác mà trong một niệm tương ưng, khiến cho vô minh lập tức rũ sạch, gọi là Trí Nhất Thiết Chủng, do đó mà tự nhiên có Nghiệp dụng không thể nghĩ bàn hiện ra khắp mười phương để làm lợi ích cho chúng sanh.

Hỏi: Hư không vô biên cho nên thế giới vô biên. Thế giới vô biên cho nên chúng sanh vô biên. Chúng sanh vô biên cho nên Tâm tạo tác sai khác cũng vô biên. Cảnh giới như vậy không thể chia cắt, khó biết khó hiểu. Nếu vô minh chướng dứt thì không có tâm tướng, làm sao rõ biết được mà gọi đó là Trí Nhất Thiết Chủng?

Đáp: Tất cả cảnh giới, bản lai là Nhất Tâm, xa lìa tướng niệm. Vì chúng sanh vọng quấy thấy có cảnh giới, cho nên tâm có chia cắt. Vì vọng tưởng khởi niệm không cân xứng với tánh các pháp, cho nên không thể rõ biết. Chư Phật Như Lai xa lìa tướng Kiến, không đâu không cùng khắp. Vì Tâm Chân Thật tức là Tánh của các pháp, Thể của nó soi sáng tất cả các pháp hư vọng, có diệu dụng của trí lớn mà hiện ra vô lượng phương tiện, rồi tùy theo chúng sanh ứng lại như thế nào đó mà được hiểu. Tất cả những cái đó đều có thể mở bày nghĩa của pháp này pháp kia. Cho nên nó mới được gọi là Trí Nhất Thiết Chủng.

Lại hỏi: Nếu Chư Phật có nghiệp tự nhiên, hiện được ở khắp mọi nơi để làm lợi ích cho chúng sanh, và tất cả chúng sanh, hoặc thấy thân Ngài, hoặc nhìn thân biến, hoặc nghe Ngài nói, không một việc gì là không có lợi ích, thế nhưng tại sao thế gian phần nhiều không ai được thấy?

Đáp: Pháp thân của Chư Phật Như Lai bình đẳng hiện diện cùng khắp mọi nơi mà không tác ý, cho nên gọi là tự nhiên. Chỉ vì nương nơi tâm chúng sanh mà thị hiện, nhưng tâm của chúng sanh thì giống như tấm kiếng, nếu kiếng có bụi thì hình ảnh không hiện ra được. Cũng thế, tâm của chúng sanh nếu có bụi phủ thì Pháp thân cũng không hiện ra.

Chương 7

Tu Hành Tín Tâm

Đã nói xong phần giải thích, giờ đây nói phần tu hành tín tâm. Trong phần này, vì nương vào chúng sanh chưa vào nhóm Chánh Định, cho nên nói tu hành tín tâm.

Những tín tâm gì? Tu hành thế nào?

Nói ước lược thì Tín tâm có bốn món. Bốn món ấy là gì?

Một là lòng tin căn bản, tức thích niệm cái Chân Như.

Hai là tin Phật có vô lượng công đức, luôn luôn nhớ nghĩ, gần gũi, cúng dường cung kính, phát khởi căn lành, cầu mong được Nhất Thiết Trí.

Ba là tin Pháp có những lợi ích lớn, luôn luôn nhớ nghĩ tu theo các hạnh Ba la mật.

Bốn là tin Tăng tu hành chơn chánh, lợi mình lợi người, thường ưa gần gũi chúng Bồ Tát mà cầu học các hạnh tu như thật.

Tu hành có năm món thành tựu được bốn Tín Tâm ấy. Năm món là gì?

Một là môn Bồ Thí.

Hai là môn Trì Giới.

Ba là môn Nhẫn Nhục.

Bốn là môn Tinh Tấn.

Năm là môn Chỉ Quán.

Thế nào là tu hành môn Bồ Thí?

Nếu thấy bất cứ ai đến cầu xin, mình có tài vật gì thì tùy sức mà cho họ, để trừ bỏ lòng keo lẩn của mình mà lại khiến được kẻ kia hoan hỷ.

Nếu thấy người đang lo sợ vì bị ách nạn bức bách, thì tùy sức mình có thể cáng đáng mà ban vô úy cho họ.

Nếu có chúng sanh đến cầu học chánh pháp thì tùy theo chỗ hiểu biết của mình mà phương tiện nói cho họ nghe, không nên tham cầu danh lợi cung kính, chỉ nghĩ đến việc lợi mình lợi người, và hồi hướng công đức về quả giác ngộ.

Thế nào là tu hành môn Trì Giới?

Ấy là không giết hại, không trộm cắp, không dâm dật, không hai lưỡi, không ác miệng, không nói dối, không thêu dệt, xa lìa: tham lam ganh ghét, lường đảo gian dối, dua nịnh quanh co, giận dữ và tà kiến. Nếu là người xuất gia thì phải chiết phục phiền não, còn cần xa lìa những nơi huyên náo, thường ở những nơi thanh vắng yên lặng mà tu tập lối sống thiểu dục tri túc và các hạnh đầu đà. Cho đến một lỗi nhỏ xíu, lòng cũng phải lo sợ, xấu hổ ăn năn, không được khinh thường giới cấm của Phật đã chế, phải giữ gìn đừng để bị tội hiềm chê trách, đừng để chúng sanh vọng khởi tội lỗi.

Thế nào là tu hành môn Nhẫn Nhục?

Ấy là nhịn chịu các khổ đau mà người khác gây ra cho mình, không ôm lòng thù hận.

Lại cũng nhịn chịu trước tám điều là: Được tiền, mất của, bị chưởi mắng, được tặng bốc, được khen, bị chê, sung sướng và khổ sở.

Thế nào là tu hành môn Tinh Tấn?

Ấy là đối với các việc lành, lòng không do dự lùi bước, ý chí kiên cường, xa lìa khiếp nhược. Phải nhớ nghĩ rằng, từ quá khứ lâu xa đến giờ, mình đã luống chịu quá nhiều đau khổ, hết thân tâm này qua thân tâm khác, mà chẳng ích gì. Cho nên giờ đây phải siêng tu các công đức lợi mình lợi người, để chóng thoát khổ.

Lại nữa, nếu có ai tuy nay tu hành tín tâm, nhưng vì đời trước từng gây ra quá nhiều tội ác nghiệp chướng cho nên đời này bị tà ma ác quỷ nhiễu hại, hoặc bị công kia việc nọ của thế gian lôi cuốn buộc ràng, hoặc bị ốm đau bệnh tật bức não, hoặc bị vô số chướng ngại khác khiến phải chịu khổ đau tương tự như thế.

Vì vậy cho nên cần phải đồng mãnh siêng năng, ngày đêm sáu thời, lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh Chư Phật thuyết pháp, tùy hỷ công đức và hồi hướng công đức về nơi quả Giác, thường xuyên như vậy, không ngưng không bỏ, thời nghiệp chướng mới tiêu trừ và căn lành mới tăng trưởng.

Thế nào là tu hành môn Chỉ Quán ?

Chỉ nghĩa là ngưng nghỉ tất cả các tướng Cảnh giới, vì tùy thuận nghĩa quán Xa-ma-tha. Quán nghĩa là phân biệt tướng Nhân Duyên sanh diệt, vì tùy thuận nghĩa quán Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là tùy thuận?

Ấy là dựa vào cả hai nghĩa mà dần dần tu tập, không rời bỏ nhau, cho nên cả hai cùng có mặt.

Nếu là tu Chỉ thì phải ở nơi thanh vắng, ngồi thẳng lưng, suy tư đứng đắn. Không nương hơi thở. Không nương hình sắc. Không nương hư không. Không nương đất nước lửa gió. Cho đến không nương thấy nghe hay biết. Tất cả các suy tư đều phải bị chánh niệm quét sạch. Ngay cả cái ý tưởng quét sạch cũng bị quét luôn. Vì tất cả các pháp, bản lai không có tướng, niệm niệm chẳng sanh, niệm niệm chẳng diệt. Cũng lại không được niệm cảnh giới ở ngoài tâm, rồi sau mới lấy Tâm trừ Tâm. Nếu Tâm rong ruổi lăng xăng thì phải lập tức thu về, an trú trong chánh niệm. Nói chánh niệm thì phải biết là chỉ có tâm, không có cảnh giới bên ngoài. Ngay Tâm ấy cũng lại không có tướng riêng, không thể đắc cái Tâm ấy trong từng niệm một.

Sau khi ngồi dậy, nếu có làm gì cần phải đi lại tới lui, thì bất cứ lúc nào cũng phải thường niệm phương tiện mà tùy thuận quán sát, tập như vậy lâu ngày đến mức thuần thực, thì tâm mình được an trú. Vì tâm được an trú cho nên dần dần trở nên mạnh mẽ sắc bén, mà tùy thuận vào được Chân Như Tam Muội, dẹp sâu phiền não, tăng trưởng tín tâm và mau thành bất thối. Chỉ trừ những kẻ vì nghiệp chướng mà phạm tội nặng như nghi hoặc, không tin, phỉ báng, hoặc ngã mạn và giải đãi, thì không thể vào được.

Lại nữa, nương vào tam muội ấy thời biết được tướng nhất của pháp giới. Nghĩa là biết pháp thân của tất cả Chư Phật cùng với sanh thân của chúng sanh là bình đẳng không hai. Đó gọi là Nhất Hạnh Tam Muội. Nên biết rằng Chân Như là gốc của tam muội. Ai tu hành thuận theo Chân Như thì dần dần phát sanh vô lượng tam muội.

Nếu chúng sanh nào không đủ căn lành, thì bị ác ma, ngoại đạo quỷ thần mê hoặc não loạn. Đang ngồi, bị chúng hiện hình khủng bố. Hoặc hiện hình trai xinh, gái đẹp. Phải niệm các cảnh giới ấy đều là duy tâm, thì chúng sẽ tự tiêu diệt, không bao giờ khuấy phá nổi. Có khi chúng hiện hình chư thiên, chư Bồ Tát, ngay cả hình Phật nữa, với tướng tốt và vẻ đẹp đầy đủ. Có khi chúng nói Đà-la-ni. Có khi chúng nói Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ. Có khi chúng nói Bình Đẳng, Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, Không Oán Không Thân, Không Nhân Không Quả, Không Tịch Rốt Ráo, cho đó là Niết Bàn chân thật. Có khi chúng khiến người ta biết được những việc xảy ra trong các đời quá khứ và những việc sẽ xảy ra trong đời vị lai, có trí Tha Tâm Thông, có biện tài vô ngại, do đó làm cho chúng sanh càng thêm say đắm đường danh lợi thế gian. Lại có khi chúng khiến người ta chột giận chột mừng, tách khí thất thường. Khi thì thương yêu da diết, khi thì ốm đau ngái ngủ li bì, tinh thần đã dượi. Hoặc vừa mới hăng hái xong thì liền bỏ dỡ công việc, chẳng tin gì hết, đa nghi đa lự. Hoặc bỏ ngang hạnh tu tốt đang tu mà theo các hạnh tu xằng bậy. Hoặc bị những chuyện phức tạp của thế gian lôi cuốn buộc ràng. Chúng còn có thể khiến người ta có được các loại tam muội mang máng như tam muội chân thật, nhưng đây là tam muội của ngoại đạo sở đắc. Hoặc chúng cũng có thể khiến người ta an trú ở trong định, từ một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến bảy ngày, được ăn những thức ăn thơm tho tự nhiên, làm cho thân tâm vui sướng, không thấy đói, không thấy khát, khiến phải đắm say.

Hoặc làm cho người ta ăn không chừng đỗi, khi nhiều khi ít, nhan sắc thay đổi thất thường. Bởi những việc ma quái như vậy, cho nên hành giả phải thường vận dụng trí tuệ mà quán sát, đừng để tâm mình rơi vào lưới tà. Phải siêng năng chánh niệm, không nắm bắt, cũng không để bị dính mắc, thời xa lìa được các nghiệp chướng ấy.

Nên biết, tam muội của ngoại đạo tu tập đều không lìa Tâm kiến ái và Tâm ngã mạn, vì họ tham đắm danh lợi và sự cung kính thể gian.

Còn Chân Như Tam Muội thì không trú nơi tướng Kiến, không trú nơi tướng Đắc, cho nên khi ra Định, cũng không có giải đãi, không kiêu mạn, bao nhiêu phiền não có từ trước đều dần dần mỏng hết. Nếu các phàm phu không tu tập phép Tam Muội ấy mà được vào chủng tánh Như Lai thì đó là điều không thể có. Bởi lẽ, tu theo các phép Tam Muội của thế gian thì phần nhiều dấy khởi sa đọa hương vị trần tục, nương vào ngã kiến, bị trói buộc trong ba cõi, giống như ngoại đạo; Còn nếu rời khỏi sự hướng dẫn của thiện tri thức thời dấy khởi tà kiến cũng giống như ngoại đạo.

Lại nữa, ai siêng năng chuyên chú tu hành phép Tam Muội ấy, thì ngay trong đời này, được mười điều lợi ích. Mười điều lợi ích là gì?

Một là thường được Chư Phật Bồ Tát trong mười phương hộ niệm.

Hai là không bị ma quỷ hung dữ khủng bố.

Ba là không bị quỷ thần của chín mươi lăm ngoại đạo mê hoặc nhiễu loạn.

Bốn là xa lìa sự hủy báng giáo pháp thậm thâm, khiến tội lỗi nghiệp chướng nặng nề rơi dần thành cạn mỏng.

Năm là diệt hết mầm nghi đối với ác giác ác quán.

Sáu là đối với cảnh giới của Như lai, tăng trưởng được tín tâm.

Bảy là xa lìa lo lắng và hối hận, lòng dũng mãnh không khiếp sợ đối với cảnh sanh tử.

Tám là tâm trở nên nhu nhuyễn, xả bỏ kiêu mạn, không bị người khác gây khổ não.

Chín là dù chưa được định, nhưng bất cứ lúc nào, ở trong bất cứ cảnh giới nào, cũng giảm thiểu được phiền não, không chạy theo dục lạc thế gian.

Mười là nếu đắc tam muội rồi, không bị mọi thứ âm thanh của ngoại duyên làm kinh động.

Lại nữa, nếu chỉ tu Chỉ thời Tâm bị trầm một, hoặc sanh giải đãi, không thích làm các điều lành, xa lìa Tâm Đại Bi, cho nên phải tu Quán. Tập phép tu Quán là:

Phải quán tất cả pháp hữu vi trong thế gian đều không tồn tại dài lâu, biến đổi hư hoại trong nháy mắt. Mọi tạo tác của Tâm đều niệm niệm sanh diệt, bởi thế nên khổ.

Phải quán các pháp sở niệm trong quá khứ, thoáng qua như giấc mộng.

Phải quán các pháp sở niệm trong hiện tại như tia điện chớp.

Phải quán các pháp sở niệm trong vị lai như bức tranh chó bông hiện ra trong mây.

Phải quán tất cả các thân đương hiện hữu đều là bất tịnh, chứa đầy ô uế, không một thân nào đáng ưa thích.

Như vậy, nên nghĩ tất cả chúng sanh, từ vô thủy đến giờ, đều vì bị Vô Minh luân tập cho nên khiến tâm sanh diệt, từng chịu biết bao đau khổ ê chề, cả thân lẫn tâm. Hiện tại thì bị vô lượng khổ đau bức bách. Cái khổ của vị lai cũng không có giới hạn. Thật là khó bỏ khó dứt, mà chẳng biết chẳng hay. Chúng sanh như vậy đó, rất đáng thương xót!

Tư duy như vậy rồi thì phải liền dũng mãnh lập Đại Thệ Nguyện. Nguyện sao cho tâm ta xa lìa phân biệt, tỏa khắp mười phương mà tu hành tất cả các công đức lành, cho đến tận cùng đời vị lai, dùng vô số phương tiện, cứu vớt tất cả chúng sanh đau khổ, khiến cho họ được hưởng cái vui tuyệt đối của Niết Bàn. Nhờ khởi được các nguyện như vậy, cho nên bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, hễ có các việc lành là tùy theo khả năng của mình mà gánh vác, không bỏ sự tu học, Tâm không trở nãi biếng nhác.

Chỉ trừ khi ngồi thì chuyên niệm tu Chỉ. Còn những khi khác thì phải quán sát cái chi nên làm và cái chi không nên làm. Dù đi, dù đứng, dù nằm, dù dậy, đều nên song tu cả Chỉ lẫn Quán. Nghĩa là: Tuy niệm các pháp, tự tánh không sanh, nhưng cũng tức là niệm nhân

duyên hòa hợp, trong đó các nghiệp lành dữ, các báo khổ vui không mất không hư; Tuy niệm nhân duyên với nghiệp báo lành dữ, nhưng cũng tức là niệm tánh của chúng không thể đặc.

Nếu là tu Chỉ thì như khi đối trị Tâm tham đắm thế gian của phàm phu, khiến xả bỏ được kiến chấp khiếm nhược của Nhị Thừa.

Nếu là tu Quán thì như khi đối trị Tâm lượng hẹp hòi của Nhị Thừa, không phát Tâm Đại Bi, khiến xa lìa được lỗi lầm không chịu tu căn lành của phàm phu.

Chính bởi nghĩa ấy, cho nên môn tu Chỉ Quán này giúp nhau thành tựu, không rời bỏ nhau. Nếu Chỉ và Quán không đủ, thời không thể nào vào được đạo Bồ Đề.

Lại nữa, chúng sanh mới học pháp này, muốn cầu Chánh Tín, nhưng vì tâm mình còn quá khiếm nhược, sợ rằng ở cõi Ta Bà này, không được thường gặp Chư Phật để đích thân cúng dường, tín tâm e sợ khó thể thành tựu, ý muốn thoái lui, thì hãy nên biết rằng Như Lai có phương tiện tốt giúp họ thâm nhiếp tín tâm. Đó là dùng nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, theo nguyện mà được sanh về cõi Phật ở một phương khác, thường được thấy Phật, dứt khoát xa lìa đường dữ.

Như trong kinh nói, nếu ai chuyên niệm Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, đem các căn lành do mình tu được mà hồi hướng nguyện cầu sanh về thế giới ấy, thì liền được vãng sanh. Bởi lẽ thường được thấy Phật, cho nên không bao giờ còn bị thoái lui. Nếu ai quán Pháp Thân Chân Như của Đức Phật ấy và thường siêng năng tu tập, thì cuối cùng sẽ được sanh về, vì đã trú trong Chánh Định rồi.

Chương 8

Vì Lợi Ích Nên Khuyến Tu

Đã nói xong phần Tu Hành Tín Tâm, giờ đây nói phần Lợi Ích, vì đó mà khuyên tu. Như vậy, cái kho tàng bí mật của Chư Phật là Đại Thừa, tôi đã tóm thâu nói hết tất cả.

Nếu có chúng sanh, muốn được sanh Chánh Tín, đối với cảnh giới thậm thâm của Như Lai, muốn xa lìa phỉ báng, vào con đường Đại Thừa, thì hãy nên thọ trì luận này, chín chắn suy lường mà tu tập theo, sẽ được rất ráo, đến đạo Vô Thượng Chánh Giác. Nếu ai nghe pháp này mà không sanh khiếp nhược thì nên biết rằng người ấy chắc chắn nối tiếp được hột giống của Phật, chắc chắn được Chư Phật thọ ký. Giả sử có người giáo hóa tất cả chúng sanh ở trong thế giới ba ngàn này, và khiến tất cả thực hành mười điều lành, cũng không bằng người tư duy đúng đắn pháp này trong khoảnh khắc một bữa ăn, công đức người sau vượt xa công đức người trước không có cách chi ví dụ được.

Lại nữa, nếu ai thọ trì luận này mà quán sát tu hành, thì dù chỉ trong một ngày một đêm, công đức người ấy thật không thể nói hết được. Giả sử tất cả Chư Phật trong mười phương đều tán thán công đức người ấy trong vô lượng a tăng kỳ kiếp, cũng không thể cùng tận được. Vì sao vậy?

Vì công đức của Pháp tánh là không cùng tận, cho nên công đức của người ấy cũng giống như vậy, không có giới hạn. Nếu có ai đối với Pháp nói trong luận này mà hủy báng không tin, thì tội báo mà họ thu hoạch là chịu khổ não lớn trải qua vô lượng kiếp. Cho nên chúng sanh phải nên ngưỡng tin, đừng nên hủy báng, chỉ khổ hại mình, còn thêm hại người, dứt mất tất cả các hột giống Tam Bảo. Là vì tất cả Chư Như Lai đều nương vào Pháp này mà chúng đắc Niết Bàn. Tất cả các Bồ Tát đều nương vào Pháp này mà tu hành để được vào trí Phật.

Nên biết các Bồ Tát quá khứ đều đã nương vào Pháp này mà thành tựu Tín Tâm Thanh Tịnh. Các Bồ Tát hiện tại đều đang nương vào Pháp này mà thành tựu Tín Tâm Thanh Tịnh. Các Bồ Tát vị lai đều cũng sẽ nương vào Pháp này mà thành tựu Tín Tâm Thanh Tịnh. Cho nên chúng sanh phải nên siêng năng tu học.

Nghĩa rộng lớn sâu của Chư Phật,

Tôi nay tùy thuận nói tóm thâu.

Hướng công đức này về Pháp tánh

Lợi lạc khắp tất cả chúng sanh.